

VỀ CÁC ĐỊA DANH CÓ YẾU TỐ “QUÈN” Ở VIỆT NAM

TRẦN THI HỒNG HANH¹

Abstract: This article examines Vietnamese toponyms containing the element Quèn through an interdisciplinary lens. The collected linguistic, historical, archaeological, and geographical sources suggest that interpreting the meaning and tracing the origin of the toponym Quèn presents considerable complexity. The article further proposes that this toponym be investigated from the perspective of language contact, identifying this approach as a promising direction for future research toward formulating a hypothesis about its origin.

Keywords: *Quèn, toponym, interdisciplinary, language contact.*

1. Dẫn nhập

Nghiên cứu về địa danh (toponym) thường được coi là một chuyên ngành trong khoa học ngôn ngữ. Theo A.V. Superanskaja (2002), “Địa danh học là một chuyên ngành của ngôn ngữ học, nghiên cứu các tên gọi địa lí, giải thích cấu tạo, lịch sử xuất hiện và phân tích ý nghĩa ban đầu của các từ cấu thành địa danh” [30]. Tuy nhiên, trên thực tế, nghiên cứu địa danh nên được coi là một hướng tiếp cận liên ngành. Bằng cách kết hợp kiến thức, phương pháp và góc nhìn ngôn ngữ học với các lĩnh vực khác như sử học, khảo cổ học, khu vực học, địa lí học..., địa danh học có thể mang lại cái nhìn đa chiều, cung cấp hiểu biết toàn diện và sâu sắc hơn về đối tượng nghiên cứu. Ở Việt Nam, có thể thấy rõ xu hướng tiếp cận liên ngành trong các nghiên cứu đã có, nhờ đó, các nghiên cứu về địa danh học đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, địa danh học là một vấn đề phức tạp, nhiều địa danh vẫn đang còn là những ẩn số và vẫn còn nhiều “khoảng trống” cần tiếp tục khai phá.

Chọn đối tượng nghiên cứu là các địa danh có yếu tố *Quèn* ở Việt Nam và tiếp cận chúng từ góc độ liên ngành, bài viết này hướng đến việc đưa ra được một cách hiểu về địa danh *Quèn*, nêu ra giả thiết có thể đã xảy ra trong lịch sử có liên quan đến các địa danh này.

2. Phân tích ngữ liệu và các nguồn tư liệu liên quan

2.1. Các địa danh có yếu tố “Quèn”

Theo kết quả thu thập tư liệu của chúng tôi, *Quèn* vừa là tên gọi của các đơn vị địa lí hành chính vừa là tên gọi của các đơn vị địa lí tự nhiên. Các địa danh có chứa yếu tố *Quèn* có thể phân loại thành ba loại hình địa danh như sau: 1) Nhóm địa danh chỉ loại hình địa hình tự nhiên đồi núi; 2) Nhóm địa danh chỉ loại hình địa hình tự nhiên liên quan đến sông nước; 3) Nhóm địa danh chỉ các loại hình địa danh văn hoá: chùa, đền, thành... Cụ thể danh sách các địa danh thu thập được như sau:

Bảng 1. Danh sách các địa danh có chứa yếu tố “Quèn”

Loại hình	Địa danh	Tên gọi khác	Vị trí địa lí
cửa (biển)	Quèn	Cửa Quyền/ Quyền Môn/ Quèn Môn/ Quyền Hải	Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu, Nghệ An
lạch	Quèn		Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu, Nghệ An
cảng	Lạch Quèn		Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu, Nghệ An
làng	Quèn	Tứ Tân	Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu, Nghệ An
làng	Quèn	Đức Nam	Sơn Hải, Quỳnh Lưu, Nghệ An
mũi	Ròng Quèn		Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Lưu, Nghệ An
làng	Quèn Đông	Quyền Đông	Cẩm Lộc, Cẩm Nhung, Hà Tĩnh
thành thôn	Quèn	Cổ Hiền	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội
đê	Quèn Xe		Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội
thôn	Quèn Gianh	Quèn Danh	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội
làng	Quèn	Phụng Công	Cổ Hiền, Phú Thường Tín (nay là xã Hoà Bình, Thường Tín, Hà Nội)

¹ Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

đền lũy	Quền Thờ		Đông Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình
thung	Quền Khó		Đông Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình
núi	Quền Giải		Ninh Hải, Hoa Lư, Ninh Bình
núi	Cửa Quền		Ninh Hải, Hoa Lư, Ninh Bình
thung	Quền Ma		Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình
núi	Đầu Quền		Ninh Xuân, Hoa Lư, Ninh Bình
đền	Quền Thạch		Cúc Phương, Nho Quan, Ninh Bình
núi	Quền Gà		Cúc Phương, Nho Quan, Ninh Bình
Quền	Đang		Cúc Phương, Nho Quan, Ninh Bình
Quền	Seo		Cúc Phương, Nho Quan, Ninh Bình
Quền	Voi		Cúc Phương, Nho Quan, Ninh Bình
Quền	Mỗi		Kỳ Phú, Nho Quan, Ninh Bình
Quền	Mơ		Kỳ Phú, Nho Quan, Ninh Bình
núi	Quền Gianh	Quyền Giang	Xích Thổ, Nho Quan, Ninh Bình
làng	Quền Thị		Cao Dương, Lương Sơn, Hoà Bình
chùa	Quền Ang		Tân Phong, Cao Phong, Hoà Bình
đền	Quền Tỏi		Bảo Hiệu, Yên Thủy, Hoà Bình
khu	Quền Vòng		Khả Phong, Kim Bảng, Hà Nam
Quền	Mọc		Ba Sao, Kim Bảng, Hà Nam

Nhìn vào mô hình cấu tạo địa danh, có thể nhận thấy 2 mô hình chính.

Mô hình 1: **Quền (Thành tố chính) + X**

Ví dụ: *Quền Voi, Quền Seo, Quền Mơ*

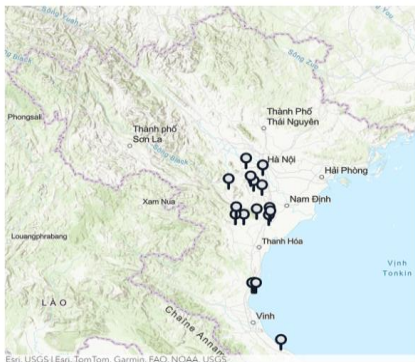
Mô hình 2: **Thành tố chính + Quền + Y**

Ví dụ: *chùa Quền Ang, thung Quền Ma*

Trong số các địa danh nói trên, có một số địa danh còn có tên gọi Hán Việt tương ứng, chẳng hạn núi *Quền Gianh - Quyền Giang* (xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, Ninh Bình), làng *Quền Đông - Quyền Đông* (xã Cẩm Lộc, Cẩm Nhượng, Hà Tĩnh), cửa *Quền - Quyền Môn* (Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu, Nghệ An). Các địa danh Hán Việt tương ứng đều có một yếu tố có quan hệ ngữ âm với tên Nôm *Quền*.

2.2. Không gian phân bố

Các địa danh có yếu tố *Quền* đều phân bố ở phía bắc Đèo Ngang. Sự phân bố của các địa danh có yếu tố *Quền* có thể được thể hiện qua bản đồ sau.



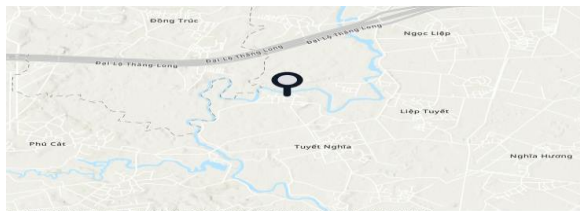
Bản đồ 1. Sự phân bố của các địa danh có yếu tố “Quền” ở phía bắc Đèo Ngang

Các địa danh có yếu tố *Quền* xuất hiện ở 3 vùng địa lí với các đặc trưng khác nhau. Thứ nhất, các địa danh xuất hiện ở vùng phụ cận của không gian địa - văn hoá Thăng Long - Hà Nội, chẳng hạn *Thành Quền* ở Quốc Oai, và thôn *Quền²* ở Thường Tín (Hà Nội), *Quền Vòng* (Kim Bảng, Hà Nam). Chúng đều có đặc điểm chung là được phân bố ở bờ Nam của các con sông: sông Tích Giang, sông Tô Lịch, Sông Đáy (xem bản đồ 2, 3, 4). Thứ hai, các địa danh có yếu tố *Quền* xuất hiện ở vùng núi đá vôi: Mỹ Đức (Hà Nội), Hoà Bình và Ninh Bình (Bản đồ 5). Thứ ba, các địa danh gắn với vùng cửa sông ven biển Quỳnh Lưu (Nghệ An) và Cẩm Nhượng (Hà Tĩnh) (Bản đồ 6). Có thể thấy rằng, địa danh này được phân bố ở cả vùng đồng bằng, vùng núi đá vôi và vùng cửa sông ven biển.

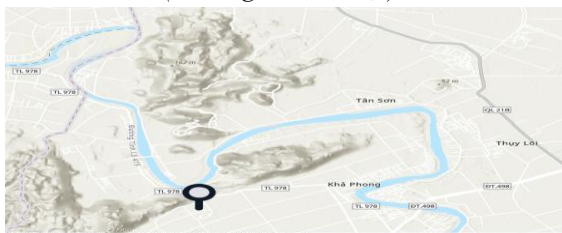
² Thôn *Quền* còn gọi là tên gọi khác của xã Phụng Công, tổng Cổ Hiền, phủ Thường Tín trước đây [19], nay thuộc xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội.



Bản đồ 2. Vị trí của địa danh làng Quên (Thường Tín, Hà Nội)



Bản đồ 3. Vị trí của địa danh Thành Quên (Quốc Oai, Hà Nội)



Bản đồ 4. Vị trí của địa danh Quên Vòng (Kim Bảng, Hà Nam)



Bản đồ 5. Vị trí của các địa danh có yếu tố Quên ở vùng Mỹ Đức (Hà Nội), Ninh Bình và Hoà Bình

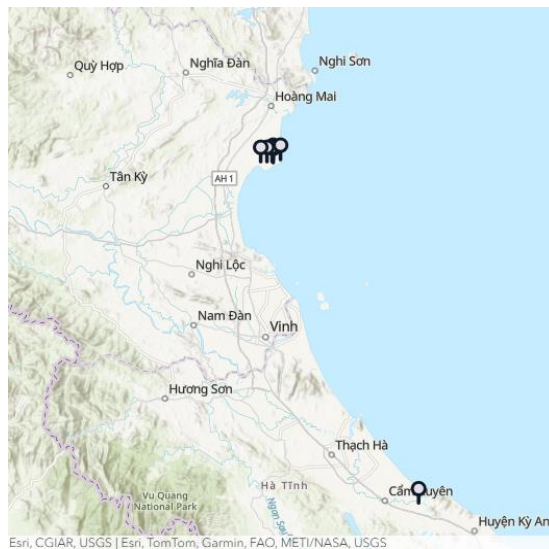
2.3. Địa danh Quên trong các văn bản cổ, tư liệu sử học và khảo cổ học

2.3.1. Tư liệu bản đồ và thư tịch cổ

Địa danh có yếu tố Quên được tìm thấy trong một số văn bản và thư tịch Hán Nôm. Văn bản đầu tiên có thể kể đến là Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ. Trong nghiên cứu “Khảo cứu Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ từ góc độ văn bản học và diện cách địa danh”, tác giả Lê Văn Ất đã cho biết Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ “là một bản đồ nhật trình chép lại thời Nguyễn nhưng nội dung truyền tải lại ở thế kỉ XVII. Đây là tập bản đồ mô tả đường đi từ thành Thăng Long tới khu vực Chiêm Thành xưa, ghi chép về trạm dịch, cầu cống, thành trì, chiến lũy, cửa biển, đơn vị hành chính cùng đặc trưng của từng khu vực” [1, tr.6]. Cũng trong nghiên cứu này, tác giả thống kê được 708 địa danh được mô tả trên bản đồ, các địa danh này bao gồm: thành, dinh, thừa ti, phủ, huyện, núi, đèo, sông, biển, kênh, ghènh, miếu, đền, quán, tuần ti...

Trong số đó, có địa danh *Quên môn* 權門 - chính là cửa Lạch Quên, nằm giữa hai xã là Tiến Thủy và Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ngày nay. Hơn thế nữa, địa danh cửa biển này không chỉ xuất hiện ở đây, mà cũng trùng với cửa biển *Quên hải môn* 權海門 được ghi lại là trong *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* - một văn bản khác cũng được biên soạn vào đời Lê, miêu tả đường biển từ Thăng Long đến Bồ Chính, La Hà, đường thủy từ Thăng Long đến Nghệ An và đường biển từ Cửa Lạch đến Chiêm Thành (Phố Trì).

Địa danh có yếu tố *Quên* cũng được tìm thấy trong *Hoàng Việt nhất thống Dư địa chí* (皇越一統輿地志), công trình địa chí do Thượng thư Bộ binh Mẫn Chính hầu Lê Quang Định biên soạn, thường được coi là bộ địa chí đầu tiên của triều Nguyễn, viết ngay sau khi vua Gia Long đăng quang. Cuốn thông chí này đã có ghi chép lại các tuyến đường giao thông trọng yếu của nước ta vào



Bản đồ 6. Sự phân bố của các địa danh có yếu tố Quên ở Quỳnh Lưu (Nghệ An) và Cẩm Nhượng (Hà Tĩnh)

đầu thế kỉ XIX. Trong công trình này, có địa danh *Cửa Quyền* cũng được nhắc đến trong Quyền chín, phần Ghi chép về Nghệ An. Trong phần này, địa danh *Cửa Quyền* được nhắc đến là một trong mười đôn cửa biển của trấn Nghệ An: *Cửa Khẩu, Cửa Nhượng, Cửa Sốt, Cửa Hội, Cửa Xá, Cửa Hiền, Cửa Vạn, Cửa Thai, Cửa Quyền* và *Cửa Cờn*. Theo đó, vị trí của *Cửa Quyền* rất gần với *Cửa Cờn* và *Cửa Thai*: “Từ cửa đông trấn thành theo đường trạm đi 28.810 tầm 3 thước đến chợ Bao Hậu huyện Quỳnh Lưu, lại theo đường mòn đi 4.894 tầm đến Cửa Thai... Từ chợ Bao Hậu theo đường mòn đi 5.838 tầm đến Cửa Quyền... Từ cửa đông trấn thành theo đường trạm đi 31.350 tầm 1 thước đến trạm Quỳnh Hoa huyện Quỳnh Lưu, lại theo đường mòn đi 5.671 tầm đến Cửa Cờn (Càn)” [8, tr. 384]. Ngoài ra, theo những ghi chép trong công trình này, *Cửa Quyền* còn được giải thích chính là cửa sông Quyền: “2.795 tầm, tục gọi là Càng Dao, dọc hai bên bờ đều là đất hoang, có ruộng cây lúa, càng này là nơi thủy triều từ hai cửa Thai và cửa Quyền giao nhau, khi nước lên càng sâu 3 thước, thuyền bè có thể đi lại, nước xuống thì càng cạn, trông thấy cả đáy, đến **ngã ba Sông Quyền**, tục gọi là ngã ba Đò Hàu. Sông này chảy xuống 1.210 tầm thì đến Cửa Quyền, sông rộng 110 tầm, bình thường nước sâu 1 tầm, khi nước lên thì sâu 1 tầm 3 thước” [8, tr. 399]. Một điểm nữa cũng được ghi chép rất rõ về *Cửa Quyền* đó là: “cửa rộng 92 tầm, phía bắc có một ngọn núi đá, tục gọi là Mũi Trăn, ngoài đỉnh núi đá này còn nổi lên năm ngọn núi đá nữa, tục gọi là Ròng Đá. Phía nam có ngọn núi, gọi là Hòn Chó, phía ngoài ngọn núi này còn có một dãy núi, xưa gọi là Núi Kiến, dáng núi lởm chởm gầy gò nằm chắn ngang cửa biển. Thời Lê, khi Ninh Quận công giữ đất Nghệ An, ông cho lấp đá để phòng giặc biển, tục gọi là Hàn Ông Ninh, đến nay khi nước lên thì sâu 1 tầm, nước xuống sâu 2 thước, thuyền nhỏ ra vào phải chờ triều lên, tàu thuyền thì không ra vào được” [8, tr.411].

2.3.2. Tư liệu lịch sử

Trong *Đại Việt sử kí toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đều có những ghi chép có liên quan đến địa danh *Quền*. Trong *Đại Việt sử kí toàn thư* có ghi chép về sự kiện năm 571, Triệu Việt Vương cưỡi ngựa chạy đến cửa biển Đại Nha. Cao Huy Giu và Đào Duy Anh giải thích: “Cửa biển Đại Nha cũng có tên là Đại Ác, thời Lý đổi là Đại An, nay là Cửa Liêu (cửa sông Đáy). Huyện Đại An thời Lê nay là đất huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Hà” [32, tr.40]. Ngay tiếp đó, sự kiện năm Nhâm Tuất, năm thứ 32 (602), sự kiện Thứ sử Qua Châu là Lưu Phương người Trường An qua đời, được dân tôn kính lập làm đền thờ ở cửa biển Tiểu Nha. Cửa biển Tiểu Nha được Cao Huy Giu và Đào Duy Anh chú là: Cửa Càn, ở phía nam cửa Đại An. Một sự kiện khác, phò mã Ngô Nhật Khánh từng dẫn thủy quân của vương quốc Chiêm Thành vào cướp, muốn đánh thành Hoa Lư, nhưng gặp gió lớn nổi lên, thuyền đều chìm đắm, có hai địa danh được nhắc đến là cửa Đại Ác và cửa Tiểu Khang. Cửa biển Đại An cũng được nhắc đến trong nhiều sự kiện khác như sự kiện người Chiêm Thành đến cướp vào năm 1371 và qua cửa biển Đại An để tiến thẳng đến Kinh sư, sự kiện Nguyễn Hoàng theo lời chúa Trịnh sai đi chinh phạt năm 1600. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn làm thời Tự Đức, cũng có phần chép ghi chép tương tự về sự kiện Ngô Nhật Khánh đem người Chiêm Thành vào cướp sau khi Đinh Tiên Hoàng qua đời cũng có nhắc đến địa danh có yếu tố *Quền*. Trong đoạn này cũng có viết, Nhật Khánh dẫn người Chiêm đi đường biển vào cướp. Khi qua cửa Đại Nha và cửa Tiểu Khang, gặp cơn phong ba, thuyền chìm đắm mất cả. Nhật Khánh chết đuối. Chúa Chăm (Chiêm Thành) may được thoát nạn, bèn thu thập những quân còn lại, rút về. Cửa Tiểu Khang được chú là “Ở địa phận huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; bây giờ là cửa Kiên (cũng gọi cửa Cờn hoặc cửa Quền)” [33, tr.234]. Hiện nay, Yên Mô, Ninh Bình là một huyện nằm sâu trong lục địa, nhưng trong lịch sử, phía Ninh Bình, cho đến thời mạt Trần và nhà Hồ, cửa thông ra biển của sông Đáy còn nằm ở quãng bên đò Độc Bộ (xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh ngày nay); một phần của huyện Yên Khánh, toàn bộ huyện Kim Sơn và vùng Đông Nam huyện Yên Mô vẫn là biển. Khi đó, chỉ khu vực trung tâm và phía tây huyện Yên Mô vốn nằm trên các doi đất cao mới có người sinh sống. Còn cửa biển Đại Nha, cũng được nhắc đến nhiều lần trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* với các tên gọi khác như Đại An, Đại Ác và được chú là: “Xưa gọi là Đại Nha, lại gọi là Đại Ác; nhà

Lý do là Đại An. Nay ở cửa Liêu thuộc xã Quần Liêu huyện Đại An có đền thờ Triệu Việt vương” [33, tr.169]. Xã Quần Liêu hay còn gọi là Cồn Liêu là một địa danh hiện nay nằm giữa hai nhánh sông Đáy và sông Ninh Cơ thuộc địa phận xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định. Hiện nay, cả hai cửa biển này đều không còn tồn tại, nhưng có thể thấy, trong lịch sử, vùng Yên Mô Ninh Bình và Nghĩa Hưng Nam Định hẳn phải là một vùng ven biển và hai cửa biển Đại Nha, Tiểu Khang có lẽ đã từng là hai cửa biển trọng yếu vì đã có nhiều sự kiện lịch sử có liên quan đến hai địa danh này, trong đó địa danh “cửa biển Tiểu Khang” còn có thể có tên gọi là “cửa Quèn, cửa Càn”.

Sông Càn là con sông nằm ở vùng giáp ranh giữa hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hoá. *Sông Càn* đổ ra cửa biển Thần Phù, một trong hai cửa sông/ cửa biển trọng yếu từ biển đi vào Đại Việt của thủy quân Chiêm Thành (cùng với cửa Đại Ác) khi tiến đánh thành Hoa Lư vào năm 979 [32, tr.160]. *Sông Càn* thực chất là vùng hạ lưu của 4 con sông thượng nguồn là Sông Tống, Sông Hoạt, sông Tam Điệp và Sông Bút. *Sông Càn* đổ ra biển Đông ở cửa Lạch Càn hay Cửa Càn. Tư liệu về *Sông Càn*, *Cửa Càn* hiện tại có một vài nguồn tài liệu nhưng độ tin cậy không cao. *Đại Việt sử kí toàn thư* có nhắc đến *Sông Càn* là sông đổ ra cửa biển Thần Phù. Một số tài liệu khác thì cho rằng Sông Càn đổ ra Cửa Càn/ Lạch Càn. Nếu khớp nối các nguồn tài liệu với nhau thì có thể suy đoán cửa Thần Phù xưa (nay đã bị lấp, cách bờ biển 20 km) với Cửa Càn/ Lạch Càn sau này chỉ là hai cửa biển của cùng một con sông (sông Càn) ở những thời điểm lịch sử khác nhau. Cửa Càn/ Lạch Càn cũng được cho là đã bị lấp nhưng chỉ cách bờ biển 10 km [22].

2.3.3. Tư liệu khảo cổ học

Trong các địa danh có yếu tố *Quèn*, *Thành Quèn* là một địa điểm khảo cổ học khá nổi tiếng. Địa chí Quốc Oai cho biết, *Thành Quèn* - căn cứ cũ của sứ quân Đỗ Cảnh Thạc ở thôn Cổ Hiền, xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai đã được các nhà khoa học khảo sát năm 1970. Trong cuộc khảo sát này đã tìm được nhiều loại gạch, ngói, đồ gốm mang đậm nét văn hoá Hán của thời Bắc thuộc. Các sách *Đường thư Việt chí*, *An Nam chí...* đã cho thấy *Thành Quèn* của sứ quân Đỗ Cảnh Thạc đã được xây dựng ngay trên vị trí cũ của thành đồ uỷ trị quận Giao Chỉ trên đất Mê Linh.

Cuộc khai quật di tích Thành Quèn lần 1 năm 2023 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Bảo tàng Hà Nội nằm trong chương trình nghiên cứu lâu dài về thiên niên kỉ đầu Công nguyên ở miền Bắc Việt Nam đã khẳng định *Thành Quèn* chính là huyện trị của một huyện thuộc quận Giao Chỉ thời Đông Hán. Hiện các nhà khảo cổ học chưa phát hiện dấu tích và di vật thời Lục Triều và Tùy Đường. Kết quả nghiên cứu cũng nhận định rằng, đến thế kỉ X, huyện thành này có thể được sử dụng để làm trung tâm hoạt động của một lực lượng sứ quân, mà theo sử sách và dân gian có thể là sứ quân Đỗ Cảnh Thạc. Từ thời Hậu Lê có thể có cư dân mới bắt đầu cư trú ở khu vực này [35].

Liên quan đến *Thành Quèn* và tướng quân Đỗ Cảnh Thạc, trong một bài nghiên cứu của mình liên quan đến họ Đỗ trong lịch sử Việt Nam, tác giả Đỗ Thùy Lan [23] đã khảo cứu và cung cấp một số thông tin quan trọng như sau: Đỗ Cảnh Thạc vốn người Phương Bắc (“Bắc quốc”), Quảng Lăng (Giang Tô) theo thần tích ở Quèn, hoặc huyện Thuận Đức (Quảng Đông, Trung Quốc) theo *Cương mục*, thường được nhắc đến với tư cách là một trong 12 sứ quân, chiếm giữ Đỗ Động (Giang), xưng “Đỗ Cảnh Công”. Cả vùng Đỗ Động nơi nơi đều lập hành cung cả thấy gồm 72 cơ sở... trong đó Trại Quyền (nay là thôn Cổ Hiền, xã Tuyết Nghĩa) là “bản doanh”. Đỗ Cảnh Thạc không chỉ được thờ ở Đình Cổ Hiền (nơi có di tích Thành Quèn), mà còn cả Đình Ngô Sài (thị trấn Quốc Oai), Đền/Quán Tam Xã (xã Sài Sơn, Quốc Oai) và làng Bình Đà (xã Bình Minh, Thanh Oai). “Ở huyện Quốc Oai, tên cũ là Yên Sơn hoặc Ninh Sơn, thần tích “Độc Nhĩ Đại Vương”, niên đại 1572 do Nguyễn Bính soạn, Nguyễn Hiền sao năm 1737, cho biết sông Tích trước đây là “Động Giang”, khi Đỗ Cảnh Thạc đến trang Lạp Hạ xây dựng căn cứ quân sự ở Trại Quyền thuộc bờ Nam của sông, tục gọi là thành Quèn (cũng là tên nôm của thôn Cổ Hiền, xã Tuyết Nghĩa), nay còn vết tích ở khu vực các thôn Cổ Hiền thuộc Tuyết Nghĩa, Đại Phù thuộc xã Ngọc Liệp, ông “lấy họ của mình mà đặt danh hiệu cho sông là

Đồ Động Giang”. Trên bản đồ Đồng Khánh về phủ Quốc Oai [Hình 1], và sông Tích được khắc hoạ là “Tiểu Chiết Giang” (小浙江); phần chính văn về huyện Yên Sơn của Đồng Khánh địa dư chí cũng ghi: “Một dòng nhỏ tiếp liền với giang phận huyện Thạch Thất, qua địa giới huyện, đến giang phận huyện Mỹ Lương. Đó là sông Chiết Giang, dài 23 dặm 100 trượng, rộng 4 trượng, sâu khoảng 1 trượng 4-5 thước”. Vị trí của “trang Lạp Hạ” trong thần tích thế kỉ XVI-XVIII là các xã Lạp Hạ (臘下社), Phục Lạp (伏臘社) thuộc tổng Lạp Thượng (臘上總), huyện Yên Sơn thời Nguyễn [Hình 2]”. Như vậy, có thể thấy rằng, mặc dù các ghi chép sử sách và dân gian về tướng quân Đồ Cảnh Thạch đều có nhắc đến *Trại Quyển - Thành Quèn* với mốc thời gian là vào khoảng thế kỉ X, dưới thời Đinh Bộ Lĩnh, còn kết quả khảo cổ học hiện có lại cho thấy rằng, Thành Quèn có khả năng được xây dựng từ thời Đông Hán.



Hình 1: Sông Tích (Tiểu Chiết Giang 小浙江) và vị trí Thành Quèn (ở Lạp Thượng tổng 臘上總) trên Bản đồ Đồng Khánh về Phủ Quốc Oai



Hình 2: Sông Tích và vị trí Thành Quèn ở khu vực các xã Lạp Hạ (臘下), Phục Lạp (伏臘) thuộc tổng Lạp Thượng trên Bản đồ Đồng Khánh về huyện Yên Sơn

[23, tr.10-11]

2.3.4. Tư liệu địa lí học

Trong cuốn *Sông hồ Hà Nội*, Đặng Văn Bào (2019) khi trình bày khái quát về lưu vực Sông Nhuệ - Đáy đã nhận định, đây là lưu vực sông có vai trò quan trọng trong sự phát triển của đồng bằng Sông Hồng nói chung và thủ đô Hà Nội nói riêng, bao gồm địa phận hành chính của các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hoà Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình. “Phía bắc và đông bắc của lưu vực sông Nhuệ - Đáy được bao bởi đê sông Hồng, từ ngã ba Trung Hà tới cửa Ba Lạt, với tổng chiều dài khoảng 242 km, phía tây bắc giáp sông Đà từ Ngòi Lát tới Trung Hà với chiều dài khoảng 33km. Phía tây và tây nam là đường phân lưu giữa lưu vực sông Hồng và lưu vực sông Mã bởi dãy núi Ba Vì - Viên Nam, Cúc Phương - Tam Điệp, kết thúc tại núi Mai An Tiêm (nơi có sông Tống gặp sông Cầu Hội) và tiếp theo là sông Càn dài 10km rồi đổ ra biển tại cửa Càn. Phía đông và đông nam là biển Đông, với đường bờ biển dài 95km từ cửa Ba Lạt tới cửa Càn” [4, tr.128]. Tác giả cũng chỉ rõ, dòng chính của lưu vực Sông Nhuệ - Đáy là Sông Đáy, với các phụ lưu là Sông Tích, Suối Yên, Sông Nhuệ, Sông Bôi (sông Hoàng Long) (Hoà Bình Ninh Bình), Sông Đào (Nam Định), Sông Vạc, sông Ninh Cơ, sông Quân Liêu. Trong phạm vi ven biển, Sông Đáy đổ ra biển ở Cửa Đáy, xưa gọi là cửa Đại An hay Đại Ác. Vùng bờ biển tại Cửa Đáy là một trong các khu vực có tốc độ bồi tụ lấn biển cao nhất trong Holocen muộn do đây từng là cửa chính của Sông Hồng qua Sông Đáy [4, tr.128]. Dựa vào cách nhận diện này, có thể thấy rằng, tất cả các địa danh có yếu tố *Quèn* thực ra đều có đặc điểm chung về mặt phân bố địa lí, đó là chúng nằm trong lưu vực Sông Nhuệ - Đáy.

3. Thảo luận về yếu tố “quèn”

3.1. “Quèn” trong từ điển

Trong *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê, từ *quèn* có hai nghĩa: 1. (danh từ) đèo ở vùng núi đá vôi. 2. (Tính từ) (Khẩu ngữ) thuộc hạng tầm thường, không có giá trị gì. [27, tr.9]. *Đại từ điển tiếng Việt* [34] cũng có cách giải thích tương tự về từ này. Lần giờ lại các cuốn từ điển đã xuất bản từ trước đến nay, kết quả thu được như sau. *Từ điển Việt - Bồ - La* (1651) của A. de Rhodes [29] không có mục từ *quèn*.

Trong *Đại Nam quốc âm tự vị* (1895) của Huỳnh Tịnh Của [6], mục từ *Quèn* được giải thích như sau:

拳 Quèn. n. Bộ lem hem, hèn hạ.

Của —.

Con mắt —. Con mắt ghen.

Nhà —. id.

Gì — gì quẹt. Gì giỡm.

Làm — quẹt. Làm dối giả, làm không nên.

— núi. Đàng trướng, đàng núi. [6, tr.843]

Việt Nam tự điển (1931) của Hội Khai trí tiến đức có mục từ *Quèn* và mục từ này được giải thích là:

Quèn. Ít-ôi, kém cỏi, không ra gì. Biết được dăm ba chữ quèn.

Quèn núi. Đường nhỏ hẹp ở trong núi. [18, tr.457]

Mục từ *Quèn núi* với nghĩa “Đường nhỏ hẹp trong núi” cũng có trong *Việt Nam tự điển* [10] của Lê Văn Đức.

Như vậy, có thể thấy rằng, trừ cuốn *Từ điển Việt - Bồ - La* không ghi nhận mục từ này, các từ điển còn lại đều có mục từ *quèn*, nét nghĩa chung mà tất cả các từ điển đều ghi nhận *quèn* là “đường” và “ở vùng núi”. Chỉ đến *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê, từ này mới thu hẹp nét nghĩa thứ hai thành “ở vùng núi đá vôi”.

Về điều kiện địa lý tự nhiên, vùng Ba Sao (Kim Bảng, Hà Nam), Mỹ Đức (Hà Nội), Ninh Bình và Hoà Bình đều là vùng có nhiều núi đá vôi và vì vậy theo chúng tôi, yếu tố *quèn* trong các địa danh ở vùng này và cách giải thích của *Từ điển Hoàng Phê* nêu ra có nét nghĩa liên quan đến nhau. Điều này cho phép chúng tôi nhận diện mô hình thứ nhất như ở trên, khi đó *quèn* mang tính chất là thành tố chung chỉ một loại hình đối tượng địa lý. Tuy nhiên, nếu hiểu *quèn* theo cách giải thích của các từ điển kể trên thì các địa danh *Cửa Quèn*, *Thành Quèn*... lại không giải thích được.

3.2. Từ góc nhìn ngữ âm học lịch sử

Theo *Từ điển Mường - Việt* của Nguyễn Văn Khang (chủ biên) [21], trong tiếng Mường, *quèn* có nghĩa là “phía”, *quèn trong* là “phía trong nhà”, *quèn ngoài/quèn tha* có nghĩa là “phía ngoài”. Tư liệu của *Từ điển từ nguyên Môn - Khmer (SEalang Mon-Khmer Etymological Dictionary)* [36] cho thấy dạng thức ngữ âm của *quèn* có mối liên hệ ngữ âm với các dạng thức tái lập của “bên/phía/cạnh” (side):

- Dạng thức tái lập Proto-Mon Khmer: ***jkia**[ŋ]

- Dạng thức tái lập Proto-Vietic: ***s-gɛ**:ŋ.

Trong các ngôn ngữ Vietic, dạng thức của “bên/phía/cạnh” (side) như sau: **cakè:ŋ** / **cakhè:ŋ** (Thà vụng); **cke:ŋ** (Pọng); **cəke:ŋ²** (Chút), **pəkeŋ²** (Mã Liêng), **təke:ŋ²** (Sách) và như vậy là các dạng thức này đều có mối liên hệ ngữ âm với *quèn*.

Những dữ liệu này cho phép chúng tôi nghĩ tới khả năng *quèn* là một dạng thức có gốc Môn - Khmer. Nếu *quèn* quả thực là một yếu tố có tính chất cội nguồn Môn - Khmer với nét nghĩa “bên cạnh” thì yếu tố *Quèn* trong các địa danh thành *Quèn* (Quốc Oai), làng *Quèn* (Thường Tín) và *Quèn Vòng* (Kim Bảng) có thể được lí giải là để chỉ đặc điểm vị trí địa lý của các địa danh này: ở bên cạnh (sông).

Tuy nhiên, điều chưa thể giải thích được ở đây là, nếu yếu tố *quèn* thực sự bắt nguồn từ nghĩa gốc là “bên/phía/cạnh” như cách đặt giả thiết vừa rồi, thì quá trình thu hẹp nghĩa của danh từ *quèn* trong *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê) chỉ để định danh đoạn đường/tuyến đường đi ở *bên cạnh núi đá vôi* đã diễn ra như thế nào. Hơn thế nữa, ở trong cách giải thích của *Đại Nam quốc âm tự vị* và *Việt Nam tự điển* của Hội Khai trí tiến đức về *quèn núi* không có nét nghĩa “bên cạnh” mà chỉ có nét nghĩa “đường ở núi”. Bởi vậy, giả thiết cho rằng *quèn* là yếu tố cội nguồn với nghĩa “ở bên cạnh” vẫn còn rất yếu.

3.3. Từ góc nhìn khác

Tổng hợp từ các nguồn tư liệu đang có, có thể thấy rằng, các địa danh có yếu tố *Quèn* còn có một

số điểm chung như sau. Thứ nhất, các địa danh đều có liên quan đến yếu tố “sông nước”. Cụ thể là, hoặc là chúng trực tiếp được dùng để định danh cho sông, cửa sông, các địa điểm ở bên cạnh sông hoặc nằm trong lưu vực sông. Nhiều địa danh hiện nay đang nằm trong đất liền, thậm chí là ở các vùng núi, nhưng trong quá khứ nơi đó lại đã từng là những vùng sông nước trọng yếu. Điểm thứ hai có thể nhận thấy là, rất nhiều địa danh đang xem xét có liên quan đến tên gọi *Càn*. Điều này nêu lên một gợi ý rằng *Quền* cũng có khả năng là sự biến đổi ngữ âm của *Càn* hoặc chí ít phải có sự liên quan đến các địa danh *Càn/Cờn*. Trong *Đại Nam quốc âm tự vị*, chữ Nôm mục từ *Quền* và mục từ *Quiền (Quờn)* là đều được ghi là 拳. Chữ này còn có âm đọc khác là *Quyền*. Trong mục từ 權 *Quyền* cũng cho thấy có thể có cách đọc là *(Quờn) Quờn phép*. Vậy thì, có thể đặt ra một giả thiết là, *Quền* có thể là một dạng thức biến đổi ngữ âm và có liên quan đến *Càn/Cờn*. Trong khi đó, theo Trần Trí Dõi [7] một số địa danh có yếu tố *Càn/Cán* có thể được lí giải là các địa danh có nguồn gốc Nam Đảo. Vì vậy, trường hợp các địa danh có yếu tố *Quền* cũng có thể tiếp tục được xem xét theo hướng này. Tuy nhiên, nhiều chi tiết về quá trình thay đổi đó vẫn chưa thể được trả lời trong nghiên cứu này.

4. Lời kết

Lê Trung Hoa đã nhận định rằng địa danh học quan hệ tới nhiều lĩnh vực khác, cho nên việc thu thập tư liệu giữ vai trò tối quan trọng khi nghiên cứu. Khi tập trung đầy đủ tư liệu, coi như ta đã hoàn thành một phần công trình [19, tr.30]. Nhiệm vụ nghiên cứu địa danh học lịch sử là “bóc lột lịch sử”, xác định niên đại cho các địa danh, xác định độ dài thời gian sử dụng của địa danh, hay sự thay đổi tên gọi địa danh qua các thời kì lịch sử. Bài viết này của chúng tôi đã tập trung vào các địa danh có yếu tố *Quền* ở Việt Nam, thu thập và chỉ ra các nguồn tư liệu có liên quan đến địa danh này. Và như vậy, đây mới chỉ coi như kết quả bước đầu khi nghiên cứu về các địa danh này và các địa danh này vẫn còn là một vấn đề bỏ ngỏ để tiếp tục khai thác và đào sâu trong những nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Át. *Khảo cứu Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ từ góc nhìn văn bản học và diên cách địa danh*. Luận văn thạc sĩ Hán Nôm. Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam. 2019.
2. Lê Văn Át. *Nghiên cứu địa danh học qua Hoàng Lê Cảnh Hưng bản đồ*. Tạp chí Khoa học Đại học Thăng Long A1(1), tr. 136-143. 2021.
3. Đặng Văn Bào (Chủ biên). *Sông hồ Hà Nội*. NXB Hà Nội. Hà Nội. 2019.
4. Nguyễn Chí Bền. *Vị thế địa - văn hoá của cố đô Hoa Lư và tính cách người Ninh Bình*. Báo cáo Hội thảo khoa học *Văn hoá và con người Ninh Bình trong phát triển bền vững*. Tỉnh ủy Ninh Bình và Đại học Quốc gia Hà Nội. 2017.
5. Viên Mai Nguyễn Công Chí. *Chuyện cũ bên dòng sông Tô*. NXB Văn học. 2020.
6. Huỳnh-Tịnh Paulus Cua. *Đại Nam quốc âm tự vị*. NXB Imprimerie REY, CURIOL & Cie. Sài Gòn. 1895.
7. Trần Trí Dõi. *Về một vài địa danh, tên riêng gốc Nam Đảo trong vùng Hà Nội xưa*. In trong *Hà Nội Những vấn đề ngôn ngữ, văn hoá* (Hội ngôn ngữ học Hà Nội). NXB Thời đại. 2001.
8. Lê Quang Định (biên soạn), Phan Đăng (dịch, chú giải và giới thiệu). *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. NXB Thuận Hoá, Trung tâm Ngôn ngữ Văn hoá Đông Tây. 2005.
9. Nguyễn Công Đức, Nguyễn Văn Lập. *Địa danh học Việt Nam: Những vấn đề cần bàn*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống. Số 4 (234). tr.1-5. 2015.
10. Lê Văn Đức. *Việt Nam tự điển*. NXB Khai trí. Sài Gòn. 1970.
11. Trần Trí Dõi, Trần Thị Hồng Hạnh. *Suy nghĩ về hướng tiếp tục tìm hiểu địa danh Cổ Loa*. Trong *Ngôn ngữ văn hoá Hà Nội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. tr.99-106. 2007.
12. Trần Thị Hồng Hạnh. *Thử lí giải địa danh về địa danh làng Sinh (Thừa Thiên Huế)*. Kì yếu Hội thảo Khoa học toàn quốc *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường*. NXB Dân trí. tr.759-764. 2016.
13. Trần Thị Hồng Hạnh. *Một vài trao đổi về địa danh Đông Ngạc*. In trong *Sách Tiếng Hà Nội - từ cách tiếp cận liên ngành*. Hội Ngôn ngữ học Hà Nội. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. tr. 289-205. 2019.
14. Trần Thị Hồng Hạnh. *Identifying the origin of toponyms in Vietnam*. Proceedings of the First Annual

- Meeting of the Geolinguistic Society of Japan. Aoyama Gakuin University. Oct.2019. pg.91-95. In Endo, Mitsuki & Ueda, Hiroto. *Proceedings of the First Annual Meeting of the Geolinguistic Society of Japan*. Zenodo. <https://doi.org/10.5281/zenodo.4505652>. 2019.
15. Tran Thi Hong Hanh, Zhu Si. *Language contact between Vietnam and other Southeast Asian Countries: A case study of some Vietnamese place names*. in Li Yu Feng (Editor in chief) (2020). *Contemporary foreign language education*. Volume 4. Foreign Language Press. pg.130-137. ISBN: 978-7-119-11715-7. 2020
 16. Trần Thị Hồng Hạnh. *Một vài suy nghĩ về địa danh thuần Việt ở Việt Nam*. Tạp chí Ngôn ngữ. Số 11 (373). 2021. tr.58-68. ISSN: 0868-3409. 2021.
 17. Trần Thị Hồng Hạnh, Trương Nhật Vinh. *Vấn đề tiếp xúc ngôn ngữ qua một vài cứ liệu địa danh theo hướng gợi mở của Giáo sư Hoàng Tuệ*. Trong sách *Giáo sư Hoàng Tuệ - Ngôn ngữ trong đời sống xã hội*. NXB Dân trí. tr.130-138. 2023.
 18. Hội Khai trí tiến đức. *Việt Nam tự điển*. Nhà in Trung Bắc Tân Văn. 1931.
 19. Lê Trung Hoa. *Địa danh học Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội. 2018.
 20. Vũ Thị Minh Hương, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin. *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ*. NXB Văn hoá Thông tin và Viện Viễn Đông bác cổ. 1999.
 21. Nguyễn Văn Khang (chủ biên), Bùi Chi, Hoàng Văn Hành. *Từ điển Mường - Việt*. NXB Văn hoá Dân tộc. 2002.
 22. Trịnh Cẩm Lan, Trần Thị Hồng Hạnh. *Địa danh gốc Nam Đảo tại Việt Nam*. Báo cáo trình bày tại Hội thảo Hội thảo học thuật về ngôn ngữ học địa lí tổ chức tại Bảo tàng Dân tộc học quốc gia. Osaka. 2023.
 23. Đỗ Thùy Lan. *Cự tộc hay/và quan liêu: Từ họ Đỗ, Đỗ Từ Bình góp phần nhận diện chính thể Đại Việt thời Lý Trần*. Tham luận trình bày tại Hội thảo Khoa học Quốc tế: Lịch sử và Giao lưu Văn hoá Việt Nam - Hàn Quốc. Viện Nghiên cứu Lịch sử Quốc gia Hàn Quốc & Trường ĐHKHXH&NV (ĐHQGHN) đồng tổ chức. Hà Nội. 28-29/5/2024. 2024.
 24. Đinh Văn Nhật. *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1986*. Viện Khảo cổ học. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. tr.237 - 239. 1990.
 25. Đỗ Văn Ninh. *Thành Quên, căn cứ của Đỗ Cảnh Thạc một trong mười hai sứ quân thế kỉ X*. Nghiên cứu lịch sử. Số 132, tr.91 - 97. 1979.
 26. Phạm Thị Thu Thủy. *Xây dựng tài liệu thuyết minh du lịch Tỉnh Ninh Bình cho sinh viên ngành Du lịch trường Đại học Hoa Lư*. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học cơ sở. Trường Đại học Hoa Lư. 2024.
 27. Hoàng Phê. *Từ điển tiếng Việt*. Nhà xuất bản Đà Nẵng. Trung tâm từ điển học. Hà Nội - Đà Nẵng. 2003.
 28. Quyết định số 129/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ: V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường bộ ven biển Việt Nam.
 29. A. de Rhodes. *Từ điển Việt - Bồ - La*. NXB Khoa học xã hội. Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. 1991.
 30. Superanskaja. A.V. *Что такое топонимика?* (Địa danh học là gì) Nauka. Moskva. 1985. Bản thảo Đinh Lan Hương dịch, Nguyễn Xuân Hoà (hiệu đính). 2002.
 31. Sở Văn hoá và Thể thao Hà Nội. Thư viện Hà Nội. *Thư mục chuyên đề: Địa chí Quốc Oai*. 2024.
 32. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. *Đại Việt sử kí toàn thư*. Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, v.v... (biên soạn). NXB Khoa học xã hội. 1993.
 33. Viện Sử học. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục. Quốc sử quán triều Nguyễn (biên soạn)*. NXB Giáo dục. 1998.
 34. Nguyễn Như Ý. *Đại Từ điển tiếng Việt*. NXB Văn hóa Thông tin. 1999.
 35. Đặng Hồng Sơn cùng cộng sự. *Khai quật Di tích Thành Quên (Quốc Oai - Hà Nội) năm 2023*. Tham luận Hội thảo Thông báo Khảo cổ học Toàn quốc lần thứ 58 - 2023, Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nam, tháng 11/2023. (<https://his.ussv.vnu.edu.vn/vi/news/ngnhiem-cuu-khoahoc/khai-quat-di-tich-thanh-quen-quoc-oai-ha-noi-nam-2023-5576.html>, truy cập ngày 16/4/2025).
 36. *Từ điển từ nguyên Môn-Khmer (SEAlang Mon-Khmer etymological dictionary)* (<https://www.sealang.net/monkhmer/dictionary/>)